

## Về cách tiếp cận thiết chế trong nghiên cứu quan hệ giữa nghề nghiệp và trình độ học vấn

G.B. KORABLEVA

Các nhà sáng lập và các nhà kinh điển của môn xã hội học đã đặt nhiều tâm huyết, đầu tư nhiều công sức vào việc tìm hiểu các phương pháp tiếp cận hiện đại để nghiên cứu mối quan hệ giữa nghề nghiệp với trình độ học vấn. M. Weber là một trong những người đầu tiên chú ý tới sự cần thiết phải xem xét nghề nghiệp và trình độ học vấn với tư cách là các tiêu chí của địa vị xã hội. Ông viết: “Với thuật ngữ *địa vị xã hội*, chúng ta sẽ biểu đạt những kỳ vọng thực tế về các quyền ưu tiên chính đáng và không chính đáng trong mối quan hệ với uy tín xã hội, nếu như uy tín đó được xây dựng dựa trên cơ sở một, hoặc hơn một, trong số những tiêu chí sau: a. Lối sống; b. Trình độ giáo dục chính thức có được qua thực tế cuộc sống hoặc qua quá trình học tập lý thuyết và nắm bắt lối sống tương ứng; c. Uy tín gắn hoặc uy tín nghề nghiệp”<sup>1</sup>.

Qua định nghĩa này có thể hiểu rằng ảnh hưởng của nghề nghiệp và trình độ học vấn tới việc hình thành các tầng lớp xã hội chỉ có thể là ở *mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau* giữa chúng, trong chừng mực nghề nghiệp và trình độ học vấn xác định nên cả nội dung hoạt động lẫn lối sống của mọi cá nhân. Ông đặc biệt nhấn mạnh rằng trình độ học vấn chính thức không chỉ bao gồm việc học tập lý thuyết và thực hành mà còn cả ở kết quả nắm bắt lối sống. Phát triển tư tưởng đó, sau này P. Sorokin mô tả ý nghĩa xã hội của nghề nghiệp đối với con người theo dạng: “Nó là một cơ chế phức tạp, vượt qua ý chí và nguyện vọng của cá nhân khiến anh ta thay đổi hoàn toàn, sáng tạo theo kiểu của mình để cho ra một cá thể tương tự, quy định các nhu cầu, niềm tin, thị hiếu, kỳ vọng, mong muốn của anh ta - tóm lại là toàn bộ bản chất của con người đó. Điều này có nghĩa là các cá nhân, với những nghề nghiệp tương tự nhau, dù khác biệt tới đâu đi chăng nữa thì cũng sẽ có chung hàng loạt mối quan tâm và những điểm tương đồng xuất phát từ sự giống nhau về nghề nghiệp. Và ngược lại, dù các cá nhân có rất nhiều quan hệ giống nhau song đa phần những điểm này sẽ tắt yếu mất đi khi họ làm những nghề nghiệp khác nhau”<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Weber M. Những khái niệm cơ bản về phân tầng. Tạp chí Các nghiên cứu xã hội học. Số 5.1994. Tr.155. (Bản tiếng Nga)

<sup>2</sup> Sorokin P.A. Hệ thống xã hội học. V.2, T.2. Nhà phân tích xã hội. Tìm hiểu cấu trúc các tổ hợp xã hội phức.- M: 1993, tr.183 (Bản tiếng Nga)

Quan điểm của M. Weber và P. Sorokin đã được các nhà xã hội học Nga cũng như phương Tây sử dụng và phát triển không ngừng. Ở xã hội học Nga, trong các nghiên cứu thời kỳ những năm 60-80 đã hình thành nên những quan điểm lý thuyết cơ bản để tìm hiểu mối quan hệ giữa nghề nghiệp và trình độ học vấn, khi mà việc nghiên cứu mối quan hệ này đã được giản lược tới mức coi nó là một yếu tố trong sự phát triển tương hỗ của các hiện tượng đặc biệt nêu trên. Tuy nhiên, theo chúng tôi, điều này chưa đủ cho phân tích xã hội học về mối quan hệ giữa các hiện tượng đó. Như vậy, cần phải chú ý tới cách tiếp cận thiết chế với tiềm năng lý luận và phương pháp luận đang bộc lộ rất rõ ràng trong giai đoạn hiện nay và đặc biệt đặc dụng ở các phân tích nghề nghiệp.

Trong xã hội học Nga hiện đại, nhờ các công trình của A.G. Zdravomuslov, G.V.Osipov, V.G.Podmarkov, M.Kh.Titma, Dz.T.Tosenco, I.I.Tsanglia, O.I.Scaratan v.v., đã hình thành nên hai cách tiếp cận phổ biến hơn cả đối với các nghiên cứu nghề nghiệp. Cách tiếp cận thứ nhất có thể tạm gọi là *tiếp cận hoạt động*, vì nó cho rằng dấu hiệu căn bản nhất của nghề nghiệp là dạng hoạt động lao động riêng biệt, được tách ra trong quá trình phân công lao động xã hội. Trong khuôn khổ của cách tiếp cận thứ hai, sự hình thành nên nó có cả phần tham gia của S.T. Strumilunij, sự chú ý được tập trung vào chủ thể của nghề nghiệp - nhân tố con người. Cách tiếp cận này có thể tạm gọi là *tiếp cận nghề nghiệp cá nhân*, vì những người ủng hộ nó cho rằng dấu hiệu chính của nghề nghiệp là mức độ sẵn sàng về kiến thức của cá nhân đối với loại hình công việc chuyên môn, yếu tố mà trong chừng mực nhất định được thể hiện qua một tổng thể kỹ năng kỹ xảo đã xác định nên đặc trưng của loại hình hoạt động lao động.

Một cách tiếp cận khác cũng rất quan trọng là nghiên cứu nghề nghiệp như một trong những *yếu tố phân tầng* đóng vai trò điều tiết mối quan hệ bình đẳng - bất bình đẳng trong xã hội và quy định địa vị xã hội của cá nhân cũng như của các nhóm xã hội. Khách thể nghiên cứu ở cách tiếp cận này chính là những cộng đồng nghề nghiệp cụ thể cùng vị trí và vai trò của chúng trong quá trình chuyển đổi xã hội Nga, chứ không phải những thành tố trừu tượng trong cơ cấu nghề nghiệp xã hội hoặc những nhóm nghề nghiệp danh nghĩa. Kết quả nghiên cứu sự hình thành mới các nhóm nghề nghiệp chỉ ra rằng vai trò của những quan hệ sản xuất và quan hệ sở hữu trong quá trình thiết chế hóa các cộng đồng xã hội là hoàn toàn không mang tính tuyệt đối<sup>3</sup>.

Quá trình phân công lao động xã hội không chỉ dẫn tới sự xuất hiện các dạng hoạt động chuyên môn hóa, khi hình thành nên chúng trong mối phụ thuộc vào các môi trường sản xuất xã hội, mà còn phân bố chúng vào một thang thứ bậc trong nội bộ cấu trúc này. Do đó, các loại hình nghề nghiệp, về bản chất, không chỉ có tính khu biệt mà còn có tính thứ bậc trong quan hệ giữa chúng với nhau. Đồng thời, thang thứ bậc các nghề nghiệp được xác định không chỉ riêng bởi những đòi

<sup>3</sup> Xcaratan O.I, Padaev B.B. Phân tầng xã hội. - M.: 1995; Sự chuyển đổi cấu trúc xã hội và phân tầng trong xã hội Nga. Chủ biên .Golencova D.T.- M.: 1996. (Bản tiếng Nga)

hỏi của quá trình phân chia lao động mang tính công nghệ - sản xuất, mà còn dựa trên cơ sở đặc trưng của từng xã hội cụ thể cùng những truyền thống và những khuôn mẫu nhận thức xã hội v.v. Nghề nghiệp này hay nghề nghiệp khác đều có địa vị riêng hoàn toàn xác định, được định hình bởi những cơ chế xã hội cụ thể (uy tín, tiền công lao động, các bảo đảm xã hội, khuôn khổ hoạt động v.v.). Vì thế việc lựa chọn loại hình hoạt động nghề nghiệp có ý nghĩa quyết định ở mức đáng kể đối với địa vị xã hội của cá nhân.

Một nguyên nhân khác biến việc phân biệt các nghề nghiệp thành một yếu tố phân tầng là sự bất bình đẳng về khả năng và cơ hội của mọi người. Do tác động của quá trình xã hội hóa nên các dạng hoạt động nghề nghiệp khác nhau đòi hỏi những kỹ năng khác biệt mà không phải cá nhân nào cũng có được bằng nhau. Ngoài ra, mỗi dạng hoạt động nghề nghiệp, kể cả những dạng đơn giản nhất, đều dựa trên trình độ tay nghề và chuyên môn ở mức nhất định. Ngay chính điều này cũng liên quan đến khoảng thời gian học tập là dài hơn hay ngắn hơn.

Như vậy, những cách tiếp cận nghiên cứu cơ bản để tìm hiểu nghề nghiệp, hình thành trong thập kỷ qua, đang mở ra những hướng và những giới hạn khác nhau cho một hiện tượng xã hội: nghề nghiệp được hình dung vừa như một dạng hoạt động chuyên môn hóa, vừa như một tổng thể các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, lại vừa như một dạng cộng đồng xã hội đặc biệt.

Toàn bộ những quan điểm nêu trên dường như được tích hợp lại trong cách tiếp cận thiết chế trong nghiên cứu nghề nghiệp. Để có được địa vị nghề nghiệp, mỗi dạng hoạt động chuyên môn bất kỳ đều phải trải qua quá trình thiết chế hóa. Quá trình này giả định gồm các thành tố:

- Có đòi hỏi từ phía xã hội về việc chuyên môn hóa hoạt động để thỏa mãn có hiệu quả hơn các nhu cầu xã hội.
  - Hình thành những yêu cầu mang tính chuyên môn, các chuẩn mực, giá trị đặc trưng cho loại hình hoạt động này.
  - Xác định được đặc trưng của các khả năng, tri thức và kỹ năng chuyên môn buộc phải có ở cá nhân để thực thi được dạng hoạt động đó.
  - Định hình rõ phương pháp và cách thức xác định những khả năng nêu trên và phương pháp truyền thụ tri thức nghề nghiệp chuyên môn cùng các kỹ năng, kỹ xảo.
  - Hình thành các tác nhân kích thích và những động cơ chiếm lĩnh chính dạng hoạt động đó ở cấp độ cá nhân cũng như ở cấp độ xã hội nói chung. Điều này liên quan đến uy tín nghề nghiệp được phản ánh trong khả năng có được nguồn thu nhập ổn định.
  - Khu biệt được ở mức nhất định các quyền lợi nghề nghiệp, các giá trị, chuẩn mực, phong cách và khuôn mẫu hành vi, các vai trò nghề nghiệp, làm điều kiện để đoàn kết mọi người theo những dấu hiệu thuộc tính nhất định của nghề nghiệp đó và của cộng đồng nghề nghiệp cụ thể.

- Xuất hiện các tổ chức nghề nghiệp riêng để bảo vệ những quyền lợi này (các hiệp hội, các liên minh nghề nghiệp v.v.)

Quá trình thiết chế hóa nghề nghiệp được coi là hoàn thành khi đã ra đời các cộng đồng nghề nghiệp. Việc tái sản xuất tính thống nhất nghề nghiệp về mặt quyền lợi, khuôn mẫu hành vi và toàn bộ lối sống thuộc về cộng đồng đó được bảo đảm bởi chính *thiết chế nghề nghiệp*.

Trong cách tiếp cận thiết chế, sự xuất hiện và phát triển các nghề nghiệp được xem là kết quả ảnh hưởng của một tổng thể hoàn chỉnh các nhân tố, trong đó vai trò quan trọng thuộc về thiết chế giáo dục. Các quá trình phân chia và liên kết mang tính nghề nghiệp, trong thực tế hiện nay, đều phát triển theo hướng kết hợp các dạng hoạt động giản đơn và phân tách các dạng hoạt động phức tạp thành đơn giản hơn. Rõ ràng bước thiết chế hóa tiếp theo đối với các dạng hoạt động nghề nghiệp mới, phức tạp là không thể thiếu sự phát triển của hệ thống giáo dục và thiết chế giáo dục, mà trước hết là *giáo dục chuyên nghiệp cao đẳng và đại học* - nơi đảm nhiệm khâu đào tạo những nhân viên với trình độ tay nghề cao và tái sản xuất nguồn nhân công có chuyên môn. Mặt khác, chính việc tách giáo dục chuyên nghiệp thành một thiết chế đặc biệt của xã hội cũng như xu hướng trong tiến trình phát triển của nó được xác định bởi các nhu cầu đặt ra do ảnh hưởng của thiết chế nghề nghiệp. Cứ như vậy, tương lai phát triển của các thiết chế song hành được đảm bảo bởi những cơ chế trong các mối *liên hệ và tác động hỗ* tương giữa chúng với nhau ở từng bối cảnh xã hội cụ thể.

Thí dụ như cơ chế lựa chọn nghề nghiệp được vận hành trước hết ở cấp độ thiết chế giáo dục và ngay sau đó là ở cấp độ thiết chế nghề nghiệp trong mối thống nhất giữa sự lựa chọn mang tính xã hội và sự lựa chọn mang tính nghề nghiệp. Theo P. Sorokin, trường phổ thông chính là nơi thực hiện bước lựa chọn sơ cấp để từ đó tách những cá nhân tài năng nhất ra khỏi nhóm những cá nhân ít khả năng hơn và đảm bảo cho những người có tài cơ hội tiến xa hơn<sup>4</sup>. Trường trung học chuyên nghiệp sẽ tiếp tục đẩy quá trình lựa chọn đi xa hơn. Và tiếp ngay sau đó sẽ diễn ra sự lựa chọn nghề nghiệp trong khuôn khổ các dạng hoạt động cụ thể ở cấp độ các tổ chức cụ thể.

Một cơ chế liên thiết chế khác - thị trường lao động, cũng góp phần điều tiết độ thích ứng của những tham số định lượng và định tính trong các cấu trúc đào tạo nghề với các nhu cầu từ phía xã hội về nguồn nhân công có chuyên môn. Tác động này diễn ra khi thị trường lao động kích thích không chỉ với riêng hoạt động đào tạo nghề mà cả hoạt động bổ túc nghề cho người lao động và thậm chí nâng cao chất lượng đào tạo của hệ thống giáo dục phổ thông.

Trong mối quan hệ tương hỗ chặt chẽ với các thiết chế xã hội khác (như nhà nước, các phương tiện truyền thông đại chúng, dư luận xã hội, gia đình v.v.), nghề

---

<sup>4</sup> Sorokin P.A. Phân tầng xã hội và di động xã hội; Con người. Nền văn minh. Xã hội.- M.: 1992, tr.398. (Bản tiếng Nga)

ng nghiệp và trình độ học vấn đảm bảo cho sự duy trì tính cơ động nghề nghiệp trong xã hội và bằng cách đó ảnh hưởng tới sự biến đổi địa vị xã hội của các cá nhân, các nhóm xã hội. Uy tín và địa vị của các nghề cũng như nội dung của từng nghề có sự khác nhau về cơ bản. Những khác biệt này tùy thuộc vào từng xã hội cụ thể với bối cảnh thời gian và không gian xã hội khác nhau.

Khía cạnh thiết chế của nghề nghiệp, trong mối quan hệ với trình độ học vấn, là vấn đề mang tính dài hạn. Xã hội thông tin tương lai sẽ làm biến đổi chính đặc trưng và nội dung sản xuất xã hội tới mức cách phân chia hoạt động sản xuất xã hội xưa nay thành sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần để nghiên cứu những khác biệt giữa các nhóm nghề sẽ không còn phù hợp nữa. Đó là vì trong cả hai lĩnh vực đảm bảo tái sản xuất xã hội nói chung này có hiện tượng vốn tư bản tri thức trở thành những điều kiện và nhân tố cơ bản của sự phát triển. Các giá trị, chuẩn mực, các quy tắc và khuôn mẫu hành vi mang tính nghề nghiệp vốn được gán cho những người hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực sản xuất tinh thần (tính nhân văn, chủ động, tích cực sáng tạo, độc lập v.v.) sẽ chuyển thành một đặc trưng tổng hợp, toàn diện.

Nguồn: Tạp chí *Các nghiên cứu xã hội học*.  
Số 6/2000. Trang 48-51. Tiếng Nga  
Người dịch: *ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO*